

Số: 221 /KH-UBND

Đắk Long, ngày 19 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Đắk Long năm 2027

Thực hiện Văn bản số 4987/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 29/9/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 và đề xuất nội dung, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2027, Ủy ban nhân dân xã Đắk Long đánh giá tình hình triển khai thực hiện năm 2026 và ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2027 như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

a) Kết quả đạt được:

- Thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của cấp trên, Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời tham mưu kiện toàn và tổ chức bộ máy thực hiện công tác chuyển đổi số từ cấp xã đến cơ sở. Cụ thể, đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06¹; đồng thời thiết lập mạng lưới hỗ trợ trực tiếp đến người dân thông qua việc 18 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn².

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các chương trình, kế hoạch mang tính định hướng chiến lược và hành động cụ thể như: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị³; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026⁴; Kế hoạch Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Đắk Long⁵; Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đắk Long năm 2026⁶; Kế hoạch số về việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Đắk Long⁷.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, một số

¹ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Long Về việc thành lập Ban Chỉ đạo của UBND xã Đắk Long về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

² Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Long về việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng xã Đắk Long.

³ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 02/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Long về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đắk Long năm 2026.

⁴ Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 21/01/2026 của UBND xã Đắk Long, thực hiện chương trình chuyển đổi số năm 2026.

⁵ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 02/2/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Long Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Đắk Long.

⁶ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Long Truyền thông về Chuyển đổi số xã Đắk Long năm 2026.

⁷ Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 20/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Long, về việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Đắk Long năm 2026.

quy định, hướng dẫn chuyên ngành liên quan đến quản trị, kết nối, chia sẻ dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn dữ liệu; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số dùng chung chưa được hướng dẫn đồng bộ, kịp thời. Điều này gây khó khăn cho địa phương trong quá trình nghiên cứu, tham mưu và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng mở rộng, yêu cầu chuyên môn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và quản trị dữ liệu ngày càng cao, trong khi nguồn nhân lực cấp xã còn hạn chế, phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác. Vì vậy, việc tham mưu, triển khai một số nhiệm vụ có thời điểm còn gặp khó khăn về tiến độ và chất lượng.

- Việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở còn phụ thuộc vào điều kiện hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, nguồn lực và khả năng tiếp cận công nghệ của người dân. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng và dịch vụ số cần tiếp tục được tăng cường để bảo đảm tính thường xuyên, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Đến nay, hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ quan cơ bản đã được rà soát, chuẩn hóa và đưa vào vận hành ổn định. Hệ thống mạng LAN, đường truyền Internet băng thông rộng và mạng Wifi được duy trì thông suốt tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã cũng như các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng tốt yêu cầu xử lý công việc nội bộ và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã tiếp tục được mạng lưới các doanh nghiệp viễn thông (như Viettel, VNPT) quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng vùng phủ sóng.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù đã có nhiều nỗ lực đầu tư, tuy nhiên hạ tầng số tại cơ sở nhìn chung vẫn chưa thực sự đồng bộ và phát triển bền vững. Đặc biệt, tại một số khu vực dân cư ở vùng sâu, vùng xa, khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chất lượng sóng viễn thông và kết nối Internet có lúc chưa ổn định. Tốc độ truy cập mạng tại một số thời điểm chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác đồng thời nhiều hệ thống thông tin, ảnh hưởng đến việc tiếp cận dịch vụ số của người dân.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, máy in, máy scan,...) tại một số cơ quan, bộ phận đã được đưa vào sử dụng trong thời gian dài, cấu hình thấp, thiếu đồng bộ và có dấu hiệu xuống cấp. Hiệu năng thiết bị suy giảm đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, tốc độ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử của đội ngũ cán bộ, công chức.

3. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

Ủy ban nhân dân xã đã bố trí 01 công chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số, làm việc trực tiếp tại Phòng Văn hóa - Xã hội xã. Việc phân công nhiệm vụ được thể chế hóa rõ ràng bằng văn bản pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để công chức phát huy năng lực tham mưu, quản trị hệ thống và điều phối các nhiệm vụ công nghệ số trên địa bàn.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số còn mỏng, chưa có công chức chuyên trách về công nghệ thông tin. Công chức được phân công tham mưu chuyển đổi số đồng thời thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, trong khi yêu cầu và khối lượng công việc ngày càng tăng.

- Các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số, Đề án 06, cập nhật và làm sạch dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm an toàn thông tin, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đòi hỏi kiến thức và kỹ năng chuyên môn khác nhau. Việc bố trí nhân lực kiêm nhiệm có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, khả năng hỗ trợ kỹ thuật và chất lượng tham mưu khi phát sinh nhiều nhiệm vụ cùng thời điểm.

4. Phát triển dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo công tác tạo lập, cập nhật và làm sạch dữ liệu. Quá trình làm sạch, đối chiếu thông tin được thực hiện đồng bộ đối với các cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (VNnID/VDC06), dữ liệu tư pháp - hộ tịch điện tử, giáo dục, quản lý đất đai (VILIS) và an sinh xã hội (VssID). Đến nay, hầu hết các cơ sở dữ liệu trên địa bàn đều được vận hành hiệu quả, bảo đảm tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được triển khai tích cực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và các bộ phận chuyên môn. Ủy ban nhân dân đã hình thành kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân, đáp ứng mục tiêu tái sử dụng dữ liệu trong các giao dịch hành chính tiếp theo, qua đó cắt giảm giấy tờ vật lý và giảm thiểu phiền hà, tiết kiệm chi phí cho người dân.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chất lượng khai thác dữ liệu số chưa cao, chưa ứng dụng hiệu quả các công cụ công nghệ để phân tích dữ liệu chuyên sâu nhằm phục vụ công tác thống kê, dự báo, cũng như hỗ trợ công tác ra quyết định điều hành trực tiếp của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.

- Các cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành do các bộ, ngành, cơ quan cấp tỉnh quản lý còn hoạt động trên nhiều hệ thống khác nhau; việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa một số hệ thống chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Việc khai thác, cập nhật và quản trị dữ liệu tại cấp xã còn phụ thuộc vào chức năng, quyền hạn được phân cấp, tài khoản truy cập và hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan quản lý hệ thống

5. An ninh mạng

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm, chỉ đạo công tác bảo vệ hệ thống thông tin cơ sở tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, thường xuyên rà soát, cập nhật và từng bước hoàn thiện các quy chế làm việc, quy chế quản lý nội bộ liên quan đến việc vận hành, sử dụng hệ thống thông tin, xử lý văn bản điện tử và ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Công tác bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng được quán triệt nghiêm túc đến từng cán bộ, công chức. Việc phân quyền truy cập, quản lý tài khoản trên các hệ thống dùng chung được thực hiện chặt chẽ; tuyệt đối nghiêm cấm việc truyền đưa tài liệu, thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước qua các nền tảng mạng xã hội, ứng dụng OTT hay môi trường mạng Internet không bảo mật.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nguy cơ mất an toàn thông tin, lây nhiễm mã độc, tấn công mạng và lộ lọt dữ liệu vẫn tiềm ẩn, nhất là trong điều kiện các hệ thống thông tin ngày càng được khai thác rộng rãi, trong khi năng lực giám sát, phát hiện và xử lý sự cố tại cấp xã còn hạn chế.

- Một số thiết bị công nghệ thông tin đã qua thời gian sử dụng, cấu hình thấp, hệ điều hành hoặc phần mềm có thể không còn được hỗ trợ cập nhật bảo mật. Điều này làm gia tăng nguy cơ mất an toàn thông tin khi khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin và kết nối mạng nội bộ.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến trung tâm xã và các hộ gia đình; mạng di động băng rộng (4G, 5G) đã phủ đến 100% các thôn.

- Hệ thống WiFi công cộng được UBND xã mắc đến nhà rộng phục vụ Nhân dân.

b) Kết quả ứng dụng các hệ thống, nền tảng dùng chung

Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm dùng chung bảo đảm tập trung, thông suốt, đáp ứng yêu cầu điều hành của chính quyền trên môi trường số: (1) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai đến các cơ quan hành chính của xã và thực hiện kết nối với các Sở, ngành. (2) Hệ thống thông tin báo cáo xã đã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. (3) Hệ thống giao ban trực tuyến của xã đảm bảo kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh. (4) Cổng Thông tin điện tử của xã duy trì hoạt động ổn định, an toàn thông tin theo quy định. (5) Hệ thống thư điện tử công vụ của xã duy trì phục vụ trao đổi công việc của các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức của xã.

c) Phát huy các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- *Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh*: triển khai đến các cơ quan hành chính xã và thực hiện kết nối với Cổng DVCQG⁸. Triển khai, ứng dụng Zalo để thực hiện tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (tra cứu mã hồ sơ, quét mã QR code qua Zalo...),

d) Phát triển dữ liệu số

Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện cung cấp dữ liệu của xã trên hệ thống dữ liệu mở của tỉnh theo quy định. Hiện nay, các danh mục dữ liệu mở thuộc trách nhiệm của xã đã được tải trên hệ thống thường xuyên.

7. Kinh tế số và xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các Tổ công nghệ số cộng đồng thôn trong việc đẩy mạnh phát triển công dân số. Nổi bật là công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2, từng bước tích hợp các giấy tờ cá nhân để khai thác hiệu quả các tiện ích số trong đời sống hằng ngày.

- Đã tổ chức các đợt vận động, hướng dẫn trực tiếp cho các hộ sản xuất, kinh doanh, tiểu thương và người dân tiếp cận với các nền tảng thương mại điện tử. Việc áp dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (thông qua quét mã QR, chuyển khoản ứng dụng ngân hàng số) tại các cơ sở cung cấp dịch vụ và trong các giao dịch thiết yếu (như đóng học phí, viện phí, thanh toán tiền điện, nước) từng bước được mở rộng, qua đó bước đầu hình thành thói quen tiêu dùng văn minh, hiện đại trong cộng đồng dân cư.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Việc ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, quản trị vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và phát triển kinh tế nông thôn chủ yếu mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu tiếp cận; quy mô triển khai còn nhỏ lẻ và chưa có tính đồng bộ.

- Sự liên kết chuỗi giá trị chưa chặt chẽ, kỹ năng kinh doanh số của bà con nông dân còn nhiều hạn chế. Do vậy, chuyển đổi số trong lĩnh vực này chưa tạo ra được sự thay đổi đột phá, rõ nét về năng suất lao động, cũng như chưa thực sự gia tăng được giá trị thương mại bền vững cho các mặt hàng nông sản, sản phẩm đặc trưng của địa phương.

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

⁸ Tổng số lượng TTHC của tỉnh: 1.767; Số lượng TTHC không xác định là DVCTT: 328 (chiếm 18,6%); Số lượng DVCTT một phần: 340 (chiếm 19,23%); Số lượng DVCTT toàn trình: 1099 (chiếm 62,2%). Tổng số DVCTT một phần được tích hợp lên Cổng DVCQG: 340 (đạt 100%); Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của tỉnh đạt 44,4% (cả nước đạt 58,4%); Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác của tỉnh đạt 55,6% (cả nước đạt 41,6%).

- Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch truyền thông chuyên đề, chú trọng đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên trang thông tin điện tử xã (<https://daklong.quangngai.gov.vn/>), hệ thống đài truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội (Fanpage, Zalo OA), giúp thông tin về chuyển đổi số tiếp cận nhanh chóng đến từng người dân.

- Triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" đến từng thôn, từng hộ gia đình với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà". Thông qua sự hướng dẫn trực tiếp, cầm tay chỉ việc của các Tổ công nghệ số cộng đồng, đến nay, toàn xã đã ghi nhận được 595 người dân trong độ tuổi trưởng thành tích cực tham gia học tập, nâng cao kỹ năng số.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của người dân chưa đồng đều; một bộ phận người cao tuổi, người lao động tự do và người dân ở khu vực vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận, sử dụng các nền tảng và dịch vụ số.

- Việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân tuy đã được quan tâm nhưng hiệu quả chuyển đổi từ nhận thức sang thói quen sử dụng dịch vụ số chưa đồng đều. Một bộ phận người dân vẫn có thói quen sử dụng hồ sơ giấy, trực tiếp đến cơ quan để thực hiện thủ tục hành chính hoặc cần sự hỗ trợ khi thao tác trên môi trường điện tử.

9. Kinh phí thực hiện

a) Tình hình phân bổ và sử dụng:

Ủy ban nhân dân xã Đắk Long dự toán kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã với tổng kinh phí 2.961,9 triệu đồng. Tuy nhiên, hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chưa phân bổ nguồn kinh phí trên để thực hiện nhiệm vụ.

b) Khó khăn, vướng mắc:

Nhu cầu kinh phí phục vụ đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin, triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cấp xã còn lớn. Việc chưa được phân bổ kinh phí theo dự toán ảnh hưởng đến khả năng chủ động triển khai các nhiệm vụ, nhất là những nội dung cần nguồn lực đầu tư, mua sắm và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật.

10. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi và cơ quan có thẩm quyền quan tâm xem xét, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được địa phương đề xuất⁹; đồng thời hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định, bảo đảm nguồn lực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cấp xã.

⁹ Công văn số 93/UBND-VHXXH ngày 23/7/2026 của UBND xã Đắk Long về đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026

- Đề nghị Sở khoa học và Công nghệ tham mưu cấp có thẩm quyền có cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2027

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023;

Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số; Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2045; Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026–2030;

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 về tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia; Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0); Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030;

Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025, Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 31/3/2026 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 08/01/2026 về chuyển đổi số tỉnh năm 2026;

Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 23/2/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Long Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Đăk Long.

Các chiến lược, chương trình, kế hoạch về dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Năm 2027, chuyển đổi số trở thành phương thức quan trọng để đổi mới hoạt

động quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền xã; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số phù hợp đặc thù của một xã miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển dữ liệu số, nền tảng số, hạ tầng số, nhân lực số, bảo đảm an ninh mạng; góp phần thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, Chương trình phát triển Chính phủ số, Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số, Kế hoạch số 41/KH-UBND giai đoạn 2026 - 2030 của xã.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng 2026	Mục tiêu 2027	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn
A	Chính phủ số, chính quyền số				
1	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện		100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	31/12/2027
2	Hồ sơ TTHC tiếp nhận, xử lý trực tuyến	97,1% (9 tháng đầu năm 2026)	Từ 98% trở lên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Hàng quý
3	Thông tin, giấy tờ TTHC sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần	Chưa thống kê	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Văn phòng HĐND-UBND	31/12/2027
4	Người dân, doanh nghiệp hài lòng khi dùng dịch vụ công trực tuyến	99%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	31/12/2027
5	Hồ sơ, kết quả TTHC được số hóa; kết quả điện tử có chữ ký số, dấu thời gian	97,8% số hóa	Duy trì 100%; 100% kết quả điện tử ký số, gắn dấu thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công	30/6/2027
6	TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính; không yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có dữ liệu	Chưa thống kê	100% TTHC đủ điều kiện	Trung tâm Phục vụ hành chính công	30/6/2027
7	Hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử (trừ bí mật nhà nước)	99,3%	100%	Văn phòng HĐND-UBND	31/12/2027
8	Chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo;	100%	100%	Văn phòng HĐND-	Thường xuyên

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng 2026	Mục tiêu 2027	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn
	nhiệm vụ được giao theo dõi trên môi trường điện tử			UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội	
9	Cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và dùng thường xuyên Nền tảng AI công vụ, trợ lý ảo	Đã đăng ký 100% tài khoản	100% có tài khoản; từ 80% dùng thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	31/12/2027
B	Dữ liệu số				
10	Danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và quy chế quản trị, chia sẻ dữ liệu của xã	Chưa có	Ban hành; 100% cơ sở dữ liệu có đầu mối chịu trách nhiệm	Phòng Văn hóa - Xã hội; các phòng chuyên môn	30/6/2027
11	Đánh giá mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu	Chưa thực hiện	Thực hiện 01 lần trong năm	Phòng Văn hóa - Xã hội	31/12/2027
12	Số hóa tài liệu lưu trữ cốt lõi 03 năm gần đây	Đang triển khai	Theo kế hoạch	Văn phòng HĐND-UBND	31/12/2027
C	Hạ tầng số				
13	Cơ quan, đơn vị kết nối Internet băng rộng; kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100% Internet	Duy trì 100%; kết nối, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng dẫn	Văn phòng HĐND-UBND	31/12/2027
14	Điểm, cụm dân cư lǝm sǝng đã rà soát (Công văn	Còn tồn tại	Đề nghị xử lý	Phòng Văn hóa - Xã hội;	31/12/2027

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng 2026	Mục tiêu 2027	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn
	số 92/UBND-VHXXH)		100%; từng bước phủ 5G	doanh nghiệp viễn thông	
15	Chuyển đổi IPv6 hạ tầng mạng cơ quan xã	Chưa có lộ trình	Xây dựng và triển khai theo lộ trình của tỉnh	Phòng Văn hóa - Xã hội;	31/12/2027
D	Kinh tế số				
16	Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số	Chưa thống kê	Từ 30% trở lên	Phòng Kinh tế; UBMTTQVN xã	31/12/2027
17	Hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ chuyển đổi số (hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, tên miền .vn, bán hàng trực tuyến)	Chưa có mô hình	Từ 5 hộ trở lên	Phòng Kinh tế	31/12/2027
18	Sản phẩm chủ lực được hỗ trợ mã QR, truy xuất nguồn gốc, nhãn hiệu	Chưa có	Từ 01 sản phẩm	Phòng Kinh tế	31/12/2027
E	Xã hội số				
19	Công dân có định danh điện tử mức 2	60%	Từ 90% trở lên	Công an xã; Tổ công nghệ số cộng đồng	30/9/2027
20	Người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Chưa thống kê	Từ 15% trở lên	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Công an xã	31/12/2027
21	Người dân có tài khoản Bình dân học vụ số	Chưa thống kê	Từ 25% trở lên	Phòng Văn hóa - Xã hội; UBMTTQ và các đoàn thể	31/12/2027
22	Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động thường xuyên	09 tổ viên; hoạt động chưa hiệu quả	09/09 tổ hoạt động theo kế hoạch	Phòng Văn hóa - Xã hội; Trưởng thôn	Hằng quý

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng 2026	Mục tiêu 2027	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn
			quý		
23	Người dân dùng dịch vụ số thiết yếu (y tế, giáo dục, bảo hiểm, thanh toán)	Trên 53%	Duy trì từ 70%; chi trả an sinh không dùng tiền mặt	Trạm Y tế; các trường; Phòng Văn hóa - Xã hội	Thường xuyên
G	An ninh mạng				
24	Hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin	Đang hoàn thiện hồ sơ	100%	Văn phòng HĐND-UBND	30/5/2027
25	Máy tính cài phần mềm phòng chống mã độc tập trung	100% (trừ máy cấu hình yếu)	100%	Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã	30/01/2027
26	Cán bộ, công chức được tập huấn an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Có tham gia	100%	Công an xã; Văn phòng HĐND-UBND xã	31/12/2027
H	Nhân lực và nguồn lực				
27	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng số	100%	Duy trì 100%; cập nhật kỹ năng AI, dữ liệu	Phòng Văn hoá - Xã hội	31/12/2027
28	Cán bộ chuyên trách, phụ trách chuyển đổi số đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	Chưa bố trí	Có cán bộ được phân công	Phòng Văn hóa - Xã hội	31/12/2026
29	Kinh phí riêng cho KHCN, ĐMST, chuyển đổi số trong dự toán 2027	Chưa bố trí	Khi có kinh phí phân đấu đạt tỷ lệ tỉnh giao	Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hoá - Xã hội	Dự toán 2027
30	Sáng kiến khu vực công được công nhận	Chưa có	Từ 03 sáng kiến	Các cơ quan, đơn vị	31/12/2027

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát chuyển đổi số

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu; tổ chức tối thiểu 02 phiên họp chuyên đề (dịch vụ công trực tuyến và dữ liệu; an ninh mạng và công dân số).

Giao 100% nhiệm vụ chuyển đổi số có đầu mối, sản phẩm đầu ra, tiến độ;

Đưa kết quả chuyển đổi số vào đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng năm 2027; tổ chức kiểm tra, giám sát tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các thôn.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.*

** Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND-UBND, Văn phòng Đảng ủy, UBMTTQVN xã.*

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách số

Rà soát, ban hành quy chế quản trị, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu thuộc quản lý của xã; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; quy định đầu mối chịu trách nhiệm chất lượng dữ liệu.

Cập nhật Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; lập, cập nhật danh mục hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung đang sử dụng tại xã; không đầu tư riêng khi đã có nền tảng của tỉnh, Trung ương.

Bổ sung quy định áp dụng chữ ký số trong toàn bộ quy trình xử lý hồ sơ công việc và kết quả giải quyết TTHC; không yêu cầu nộp thêm bản giấy có chữ ký tươi hoặc bản sao chứng thực đối với hồ sơ đã ký số hợp lệ theo Luật Giao dịch điện tử.

Xây dựng cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng; chính sách khuyến khích hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số; kiến nghị cấp trên miễn, giảm phí chữ ký số cá nhân cho người dân nộp hồ sơ trực tuyến.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá - Xã hội.*

** Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng Kinh tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công.*

3. Phát triển chính quyền số

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 100% TTHC đủ điều kiện; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu giai đoạn 2025 - 2027 của Chương trình phát triển Chính phủ số: 100% thông tin, giấy tờ TTHC sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần, từ 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng.

Triển khai rà soát, đơn giản hóa TTHC; ưu tiên tái cấu trúc quy trình các nhóm TTHC phát sinh nhiều hồ sơ (hộ tịch, chứng thực, đất đai, bảo trợ xã hội); xử lý vướng mắc kỹ thuật để thực hiện 100% TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính; không yêu cầu nộp lại giấy tờ khi dữ liệu đã có trong hệ thống.

Đẩy mạnh định danh, xác thực điện tử; chữ ký số, thanh toán điện tử; áp dụng

chữ ký số của người có thẩm quyền kèm con dấu điện tử, dấu thời gian cho kết quả TTHC bản điện tử; chuẩn hóa phần mềm ký số và kiểm tra chữ ký số theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Bảo đảm 100% hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử (trừ bí mật nhà nước); 100% chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo; 100% nhiệm vụ được giao theo dõi trên môi trường điện tử.

Ứng dụng trợ lý ảo 360, Nền tảng AI công vụ hỗ trợ cán bộ xử lý công việc, hướng dẫn người dân tra cứu, thực hiện TTHC; bảo đảm sử dụng AI có kiểm soát, minh bạch, an toàn.

** Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công.*

** Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Văn hoá - Xã hội, Công an xã và các phòng chuyên môn có liên quan.*

4. Phát triển kinh tế số

Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số theo thứ tự: đánh giá hiện trạng, xác định bài toán, tư vấn giải pháp, thử nghiệm, đào tạo, nhân rộng; lồng ghép với Đề án chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026–2030 (Quyết định số 433/QĐ-TTg) và Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số (Quyết định số 1033/QĐ-TTg).

Phát động chiến dịch phổ cập chữ ký số cá nhân cho công dân trưởng thành; tích hợp ký số từ xa vào ứng dụng công dân số; Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn trực tiếp tại thôn.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.*

** Cơ quan phối hợp: UBMTTQVN xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, Hội Nông dân xã, Đoàn Thanh niên xã và các hợp tác xã.*

5. Phát triển xã hội số

Phổ cập kỹ năng số qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng; ưu tiên người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động khu vực phi chính thức; tổ chức lớp hướng dẫn tại nhà văn hóa thôn, có người phiên dịch hoặc hướng dẫn bằng tiếng dân tộc.

Tổ chức chiến dịch cao điểm kích hoạt VNeID mức 2 và chữ ký số cá nhân; lồng ghép khi làm căn cước, giải quyết TTHC và các buổi sinh hoạt thôn.

Truyền thông về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống lừa đảo trực tuyến, sử dụng mạng xã hội an toàn, văn minh.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội, Công an xã.*

** Cơ quan phối hợp: UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội xã, Tổ công nghệ số cộng đồng và các đơn vị trường học.*

6. Phát triển, sử dụng hiệu quả nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung

Rà soát nền tảng, phần mềm đang dùng tại xã; xác định nền tảng bắt buộc, cần tích hợp, cần dùng hoặc hợp nhất; sử dụng thống nhất các nền tảng dùng chung quốc gia theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg và của tỉnh.

Ưu tiên thuê dịch vụ, dùng chung, tái sử dụng; không xây dựng mới hệ thống riêng của xã khi đã có nền tảng đáp ứng.

Các hệ thống có dùng chữ ký số bảo đảm kết nối; sử dụng các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

** Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND-UBND.*

** Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công.*

7. Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại

Duy trì, nâng cấp hạ tầng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cơ quan; thay thế máy tính cấu hình yếu không cài được phần mềm bảo mật; bảo đảm thiết bị cho hợp trực tuyến, số hóa hồ sơ.

Phối hợp doanh nghiệp viễn thông xử lý điểm lùm sóng, mở rộng cáp quang đến trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn; từng bước phủ 5G khu dân cư.

Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi IPv6 đối với hạ tầng mạng, hệ thống thông tin do xã quản lý, theo Chương trình chuyển đổi IPv6 Only giai đoạn 2026 - 2030 (Quyết định số 3369/QĐ-BKHCN).

Ưu tiên dùng hạ tầng dùng chung: Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu quốc gia, điện toán đám mây của tỉnh; không đầu tư máy chủ riêng.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.*

** Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng Kinh tế, doanh nghiệp viễn thông.*

8. Phát triển nhân lực số

Bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức: sử dụng thành thạo nền tảng dùng chung, hệ thống giải quyết TTHC, quản lý văn bản, báo cáo, chữ ký số, công cụ phân tích dữ liệu, trợ lý AI công vụ.

Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, an ninh mạng; hoàn thành chỉ tiêu chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản giai đoạn 2025 - 2027.

Bồi dưỡng kỹ năng ký số và kiểm tra chữ ký số hợp lệ cho công chức một cửa, văn thư, lưu trữ; truyền thông phòng ngừa giả mạo chữ ký số.

Tập huấn luyện nâng cao cho 18 Tổ công nghệ số cộng đồng; rà soát mô tả vị trí việc làm, yêu cầu kỹ năng số; đề xuất chính sách hỗ trợ, thu hút nhân lực chuyển đổi số theo quy định.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội, Công an xã.*

** Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND-UBND xã và các đơn vị liên quan.*

9. Phát triển dữ liệu số

Số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” và sẵn sàng khai thác cho trí tuệ nhân tạo.

Lập danh mục cơ sở dữ liệu cần xây dựng, nâng cấp; dữ liệu dùng chung; dữ liệu mở; dữ liệu cần kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (dân cư, đất đai, hộ tịch, an sinh xã hội, y tế, giáo dục).

Tăng cường khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tái sử dụng dữ liệu; số hóa 100% tài liệu lưu trữ.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch công bố dữ liệu mở năm 2027; đánh giá mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu; dùng dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, thống kê, dự báo; bảo đảm bí mật nhà nước, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

** Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng HĐND-UBND, Công an xã, các phòng chuyên môn.*

10. Bảo đảm an ninh mạng

100% hệ thống phục vụ chính quyền số được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ trước khi vận hành; kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Duy trì kết nối SOC của tỉnh; bảo đảm 100% máy tính cài phòng chống mã độc tập trung; giám sát liên tục, cảnh báo sớm, ứng cứu kịp thời sự cố.

Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu dùng chung, hệ thống giải quyết TTHC, hệ thống chỉ đạo điều hành.

Tham gia diễn tập, ứng cứu sự cố do tỉnh tổ chức; duy trì đội ứng cứu sự cố; Công an xã tuyên truyền, cảnh báo thủ đoạn lừa đảo, mạo danh trên không gian mạng đến từng thôn.

** Cơ quan chủ trì: Công an xã, Văn phòng HĐND-UBND xã.*

** Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội.*

11. Tuyên truyền, truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông chuyển đổi số năm 2027; hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) và Ngày hội toàn dân học tập số; truyền thông thường xuyên về dịch vụ công trực tuyến, VNeID, chữ ký số, thanh toán số, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đa dạng hình thức: Trang thông tin điện tử xã, truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Zalo thôn, họp thôn; biên soạn nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, có bản tiếng dân tộc thiểu số, phù hợp từng nhóm đối tượng; dùng công cụ AI hỗ trợ thiết kế sản phẩm truyền thông.

Phổ biến mô hình hay, cách làm hiệu quả, sáng kiến, khuyến khích cán bộ,

người dân, doanh nghiệp đề xuất, nhân rộng sáng kiến chuyển đổi số.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.*

** Cơ quan phối hợp: UBMTTQVN xã, các tổ chức chính trị - xã hội, Công an xã, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích.*

12. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức quốc tế

Phối hợp doanh nghiệp công nghệ, viễn thông, ngân hàng, ví điện tử hỗ trợ thanh toán số, chữ ký số, hạ tầng cho chợ phiên và thôn vùng sâu.

Đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ, các trường, viện hỗ trợ triển khai nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ cấp cơ sở và các mô hình chuyển đổi số phù hợp đồng bào dân tộc thiểu số.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.*

** Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế, các tổ chức, doanh nghiệp.*

13. Bảo đảm nguồn lực tài chính

Bổ trí dòng kinh phí riêng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự toán ngân sách xã năm 2027, phấn đấu đạt tỷ lệ chi theo chỉ tiêu của tỉnh; ưu tiên nhiệm vụ nền tảng, dùng chung, liên thông.

Đề xuất tỉnh tiếp tục hỗ trợ kinh phí thay thế máy tính cấu hình yếu, hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng và nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ cấp cơ sở.

** Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội.*

** Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan.*

14. Các nhiệm vụ khác

Căn cứ chương trình, kế hoạch, đề án của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành trong năm 2027, UBND xã bổ sung nhiệm vụ để bảo đảm đồng bộ, khả thi; chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên: tài nguyên và môi trường (chuẩn hóa dữ liệu đất đai), nông nghiệp, y tế, giáo dục, an sinh xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội: Là cơ quan thường trực chuyển đổi số: tham mưu theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo

2. Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã, Công an xã: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung, chỉ tiêu kế hoạch.

3. Phòng Kinh tế: Chủ trì tham mưu các nội dung về kinh tế số, hộ kinh doanh, hợp tác xã, sản phẩm chủ lực của địa phương,...

4. Đề nghị UBMTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội, các thôn, Tổ

công nghệ số cộng đồng: Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân thực hiện.

5. Chế độ báo cáo: Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả hằng quý, báo cáo 6 tháng, *(trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo)*; báo cáo năm *(trước ngày 10 tháng 12)* gửi Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ theo thời hạn của tỉnh.

6. Chế độ kiểm tra, giám sát: UBND xã tổ chức kiểm tra tối thiểu 01 lần/năm tại các cơ quan, đơn vị; kết quả là căn cứ đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2027

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Trên đây là tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 và đề xuất nội dung, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn xã Đăk Long./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã (c/đ);
- Công an xã (t/h);
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã (p/h);
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã (t/h);
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Hoàng Thị Thủy